

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2023

*“ Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Bật và ông Vũ D Tuân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 16/6/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án ngày 13 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 - Địa chỉ: Thôn 3, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Thom, sinh năm 1996 - Địa chỉ: Thôn Phù Tả 2, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (Có mặt). Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Tùng (Có đơn xin vắng mặt); ông Nguyễn Ngọc Chiến (Có mặt) - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Investco - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

**Bị đơn:** Anh Bùi Văn K, sinh năm 1976 - Địa chỉ: Thôn 3, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Có mặt). Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn Thắng, sinh năm 1979 - Địa chỉ: xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Có mặt)

**Người có quyền lợi liên quan:**

-UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc T - Chức vụ: Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

-Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Ngân hàng Agribank) - Người được ủy quyền lại: Ông Lâm Hồng Q - Chức vụ: Phó Giám đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị và anh Bùi Văn K có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2003 tại UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, từ tháng 2/2022 chị về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh K cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau, do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh K. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Thu P, sinh 02/12/2004, Bùi Đức D, sinh 10/11/2006, Bùi P T, sinh 29/5/2011. Hiện nay anh K đang trực tiếp nuôi hai con Bùi Thu P, Bùi Đức D, chị trực tiếp nuôi con Bùi P T, ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con chung để giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, nếu chị được nuôi con thì không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị và anh K có tài sản gồm: Thửa đất 928b, tờ bản đồ số 9, diện tích 68 m<sup>2</sup>, có địa chỉ tại xã Tân Hương, huyện Ninh Giang; ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình khác xây trên đất; 01 chiếc oto KIA 1,9 tấn, đăng ký xe mang tên Đồng Xuân Tấn, BKS xe 34C-134.01; xe Dream BKS 24M9-1336 đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Hiệp; tiền hàng kinh doanh xe đạp 200.000.000 triệu đồng. Về nợ: Vợ chồng chị có vay Ngân hàng Agribank 300.000.000 đồng để kinh doanh xe đạp. Đề nghị tòa án chia cho vợ chồng mỗi người được hưởng ½ tài sản và giải quyết vay nợ theo quy định. Hiện nay anh K có tài sản là đất ở tại Móng Cái, Quảng Ninh và bố mẹ anh K hứa cho anh K nhà đất tại xã Tân Hương nên anh K có điều kiện về chỗ ở, phía chị L đang ở nhờ bố mẹ đẻ, khó khăn về chỗ ở nên chị xin được sở hữu, sử dụng tài sản bằng hiện vật và có trách nhiệm trả ngay một lần giá trị chênh lệch tài sản cho anh K.

Tại bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, anh Bùi Văn K và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn theo như lời khai của chị L trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh từ tháng 2/2022 đến nay, mặc dù anh và gia đình nhiều lần tìm chị L về chung sống nhưng chị L không nhất trí, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu chị L kiên quyết ly hôn thì anh nhất trí. Về con chung: Anh xác nhận lời khai của chị L trình bày, hiện nay anh đang trực tiếp nuôi hai con là Bùi Thu P, sinh 02/12/2004 (con đã trưởng thành nhưng còn đang học đại học chưa có thu nhập) và nuôi con Bùi Đức D, sinh 10/11/2006, chị L nuôi con Bùi P T, sinh 29/5/2011, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của con để giải quyết cho vợ hoặc chồng nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng có tài sản, vay nợ đúng như lời khai của chị L đã trình bày. Ly hôn anh xin được sử dụng nhà đất để có chỗ ở và tiếp tục

kinh doanh, đảm bảo cuộc sống và nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm chia trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị L theo quyết định của bản án. Anh xác định có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung nên đề nghị được hưởng 60%, chị L được hưởng 40% tài sản. Về nợ: Vợ chồng có vay Ngân hàng Agribank 300.000.000 đồng để kinh doanh xe đạp, đến nay anh đã trả hết cho Ngân hàng tiền nợ gốc và lãi, do đây là tiền vợ chồng vay để kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng mỗi người phải có nghĩa vụ trả  $\frac{1}{2}$  khoản nợ.

Tại lời khai của đại diện Ngân hàng Agribank trình bày: Chị L và anh K có vay Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2302-LVA-202200272, ngày 18/01/2022. Ngày 19/01/2022 anh K chị L nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 05/06/2023 anh K đã trực tiếp trả hết nợ gốc và lãi tổng cộng là 316.415.412 đồng, như vậy việc vay nợ giữa các bên đã tự giải quyết xong, Ngân hàng Agribank xin rút yêu cầu đòi nợ anh K, chị L.

Kết quả xác minh tại UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xác định: Chị L và anh K có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2003, tại UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, đây là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng anh K làm nghề kinh doanh, lắp ráp xe đạp, đầu năm 2022 chị L làm đơn xin ly hôn nhưng không nộp qua chính quyền địa P nên địa P không tổ chức hòa giải và cũng không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thế nào. Qua yêu cầu xác minh của tòa án, địa P đã tìm hiểu thông tin tại địa P thì được biết chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh K từ khoảng tháng 2/2022 cho đến nay, chị L đi làm công nhân còn anh K và các con quản lý nhà đất của vợ chồng và làm nghề kinh doanh xe đạp. Về con chung: Vợ chồng chị L và anh K có ba con chung như anh K, chị L trình bày. Hiện nay anh K đang trực tiếp sử dụng nhà đất chung của vợ chồng và trực tiếp nuôi hai con Bùi Thu P, sinh 02/12/2004, Bùi Đức D, sinh 10/11/2006, chị L đang sống tại nhà bố mẹ đẻ và nuôi con Bùi P T, sinh 29/5/2011. Về tài sản chung: Vợ chồng có nhà xây trên thửa đất 928b, tờ bản đồ số 9, diện tích 68 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, giấy CNQSD đất mang tên anh K, chị L do UBND huyện Ninh Giang cấp ngày 25/01/2010, ngoài ra còn sử dụng diện tích đất dôi dư anh K, chị L sử dụng thuộc quyền quản lý của UBND xã, khi giải quyết vụ án đề nghị Tòa án tạm giao cho người trực tiếp sử dụng quản lý, sau này chính quyền địa P sẽ xử lý diện tích đất dôi dư này theo quy định của luật đất đai. Anh K, chị L còn có tài sản gì khác thì địa P không nắm được. Do nhà đất không đủ diện tích để chia bằng hiện vật nên đề nghị Tòa án xem xét giao nhà đất cho một bên sử dụng và trả cho bên kia bằng tiền, xem xét nhu cầu sử dụng, điều kiện kinh doanh để chia một cách hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn trình bày: Về việc ly hôn, nuôi con đương sự đã thống nhất việc giải quyết. Về tài sản: Đề nghị HĐXX xem xét chia cho chị L, anh K mỗi người được hưởng 1/2 tài sản chung, ưu tiên cho

chị L là phụ nữ phải nuôi con nhỏ được sử dụng tài sản bằng hiện vật, chị L có trách nhiệm trả chênh lệch một lần bằng 50% giá trị tài sản cho anh K.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đã đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, khoản 3 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bùi Văn K. Về con chung: Xử giao con Bùi P T, sinh 29/5/2011 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng; giao con Bùi Đức D, sinh 10/11/2006 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chia đôi tài sản chung của chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Văn K có giá trị 4.358.413.490 đồng, mỗi bên được nhận giá trị tài sản là 2.179.206.745 đồng. Giao cho chị L được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và thửa đất số 928b, tờ bản đồ số 9, diện tích 68m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã Tân Hương, huyện Ninh Giang và các tài sản liên quan, chị L có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho anh K 2.179.206.745 đồng. Tạm giao cho chị L quản lý, sử dụng diện tích đất dôi dư. Về nợ: Anh K đã trả nợ xong, không có căn cứ chia nợ chung của vợ chồng. Một số khoản nợ bị đơn yêu cầu giải quyết bổ sung tại phiên tòa gồm: Nợ anh Vũ Đức Khang 481.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Mưu 1.562.173.000 đồng, tổng cộng 2.043.173.000 đồng, bị đơn yêu cầu không phù hợp với khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí và chi phí tố tụng: Văn K, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện tham gia phiên tòa; đại diện của UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang và Ngân hàng Agribank có đơn xin xét xử vắng mặt - HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2003 tại UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn các đương sự đều thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai bên sống ly thân từ tháng 2/2022 cho đến nay, được gia đình và Tòa án hòa giải nhưng không thành. Căn cứ lời khai nhận của hai bên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bùi Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị và anh K có 03 con chung là Bùi Thu P, sinh 02/12/2004, Bùi Đức D, sinh 10/11/2006, Bùi P T, sinh 29/5/2011. Hiện nay con Bùi Thu P đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra việc chăm sóc, nuôi dưỡng, con Bùi Đức D có nguyện vọng được ở cùng bố, con Bùi P T có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Xét thấy nghề nghiệp của chị L làm công nhân và đang ở tại gia đình nhà bố mẹ đẻ, anh K đang sử dụng nhà đất của vợ chồng để kinh doanh xe đạp, hai bên đều có chỗ ở và thu nhập ổn định, đều có đủ điều kiện nuôi con, do vậy cần giao cho anh K được tiếp tục nuôi con Bùi Đức D, chị L được tiếp tục nuôi con Bùi P T cho đến khi con đủ 18 tuổi, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và việc phân chia tài sản: Chị L và anh K đều xác định có một số tài sản chung đã được định giá, gồm có: Thửa đất 928b, tờ bản đồ số 9, diện tích 68 m<sup>2</sup> (trong đó 60 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 50.000.000đ/m<sup>2</sup> và 08 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm trị giá 75.000đ/m<sup>2</sup>), địa chỉ tại xã Tân Hương, huyện Ninh Giang trị giá 3.000.600.000 đồng; nhà 03 tầng xây trên đất trị giá 892.254.000 đồng; lán bán hàng trước cửa nhà chính trị giá 69.700.490 đồng; mái tôn trước nhà trị giá 1.439.000 đồng; mái tôn tầng 3 trị giá 1.364.000 đồng; mái tôn sau nhà trị giá 3.389.000 đồng; bê tông sân sau nhà trị giá 677.000 đồng; xe oto KIA, BKS xe 34C-134.01 trị giá 180.000.000 đồng; xe Dream BKS 24M9-1336 trị giá 9.000.000 đồng; tiền vốn để kinh doanh xe đạp 200.000.000 triệu đồng. Toàn bộ tài sản chung nêu trên do anh K đang trực tiếp quản lý, sử dụng có giá trị tổng cộng là 4.358.423.490 đồng. Tại phiên tòa phía nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị được sử dụng nhà đất bằng hiện vật và trả giá trị chênh lệch tài sản cho bên kia bằng tiền. HĐXX thấy rằng giao nhà đất cho bên nào trực tiếp quản lý, sử dụng thì cần tính đến yếu tố bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập. Xét anh K đang sử dụng nhà đất để ở và làm cửa hàng buôn bán, lắp ráp xe đạp, do vậy cần giao cho anh K được tiếp tục sở hữu, sử dụng nhà đất và một số tài sản khác là phù hợp với hướng dẫn tại điểm c khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Tạm giao cho anh K sử dụng diện tích đất đôi dư liền kề với thửa đất được giao. Chị L cho rằng anh K có điều kiện về chỗ ở hơn chị vì đã có đất ở tại Móng Cái, Quảng Ninh và được bố mẹ hứa tặng cho đất nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, không có căn cứ xem xét, đánh giá. Về yêu cầu của anh K xin được hưởng tài sản nhiều hơn chị L (anh được hưởng 60%, chị L được hưởng 40% giá trị tài sản chung vợ chồng), yêu cầu này không được chấp nhận vì không có căn cứ chứng minh anh K có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập, hình thành tài sản. HĐXX đánh giá vợ chồng có công sức ngang nhau trong việc tạo lập tài sản chung và buộc anh K có nghĩa vụ trả 1/2 giá trị chênh lệch tài sản cho chị L để chị L tạo lập nơi ở mới.

[5] Về nợ: Trong thời gian chung sống, anh K, chị L đều thừa nhận có vay Ngân hàng Agribank 300.000.000 đồng để kinh doanh xe đạp, đây được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, hai bên đều có nghĩa vụ trả nợ. Tại thời điểm xét xử vụ án, Ngân hàng Agribank và anh K đều xác định anh K là người trực tiếp sử dụng vốn vay, đã trả hết nợ cho Ngân hàng, trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 16.415.412 đồng, tổng cộng 316.415.412 đồng. Như vậy việc trả nợ đã xong, không còn vướng mắc gì, Ngân hàng Agribank rút yêu cầu đòi nợ, HĐXX đình chỉ việc giải quyết yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng Agribank. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh K đã trả nợ Ngân hàng thay cho nghĩa vụ của chị L nên cần buộc chị L phải hoàn trả anh K  $\frac{1}{2}$  số tiền anh K đã trả nợ là  $316.415.412 \text{ đồng} / 2 = 158.207.706 \text{ đồng}$ . Ngoài ra tại phiên tòa bị đơn cung cấp chứng cứ bổ sung và yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết các khoản vay nợ của anh Vũ Đức Khang 481.000.000 đồng, vay nợ của anh Nguyễn Văn Mưu 1.562.173.000 đồng, tổng cộng là 2.043.173.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bị đơn nêu trên là yêu cầu phản tố, tuy nhiên yêu cầu đưa ra trong giai đoạn xét xử là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được chấp nhận. Bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Tổng cộng tài sản chung của vợ chồng chị L và anh K có giá trị là 4.358.423.490 đồng, anh K có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch tài sản cho chị L 2.179.211.745 đồng, đối trừ số tiền anh K trả nợ Ngân hàng Agribank thay cho chị L là 158.207.706 đồng, anh K còn phải trả chị L số tiền 2.021.004.039 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị L, anh K mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là  $4.100.000 \text{ đồng} / 2 = 2.050.000 \text{ đồng}$ . Do chị L đã tạm ứng chi phí số tiền nêu trên nên anh K phải hoàn trả chị L số tiền 2.050.000 đồng.

[8] Về án phí: Chị L, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về việc chia tài sản theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, khoản 3 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bùi Văn K.

2- Về con chung: Xử giao con Bùi P T, sinh 29/5/2011 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con Bùi Đức D, sinh 10/11/2006 cho anh K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh K không

bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3- Về tài sản: Xử xác nhận các tài sản chung của chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Văn K và chia như sau:

3.1. Về đất ở: Giao cho anh K được sử dụng thửa đất số 928b, tờ bản đồ số 9, diện tích 68m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã Tân Hương, huyện Ninh Giang trị giá 3.000.600.000 đồng. Tạm giao cho anh K quản lý, sử dụng diện tích đất đôi dư, sau này UBND xã Tân Hương sẽ xem xét xử lý theo quy định của luật đất đai (Có sơ đồ kèm theo bản án). Anh Bùi Văn K có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.2. Các tài sản khác: Giao cho anh K được sở hữu, sử dụng ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất số 928b, tờ bản đồ số 9, diện tích 68 m<sup>2</sup>, trị giá 892.254.000 đồng; lán bán hàng trước cửa nhà chính trị giá 69.700.490 đồng; mái tôn trước nhà trị giá 1.439.000 đồng; mái tôn tầng 3 trị giá 1.364.000 đồng; mái tôn sau nhà trị giá 3.389.000 đồng; bê tông sân sau nhà trị giá 677.000 đồng; xe oto KIA, BKS xe 34C-134.01 trị giá 180.000.000 đồng; xe Dream BKS 24M9-1336 trị giá 9.000.000 đồng; tiền vốn kinh doanh xe đạp 200.000.000 triệu đồng.

3.3. Tổng cộng tài sản giao cho anh K được sở hữu, sử dụng có giá trị là 4.358.423.000 (làm tròn). *(Bốn tỷ, ba trăm lăm mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng).*

3.4. Anh Bùi Văn K có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 2.021.000.000 (làm tròn). *(Hai tỷ, không trăm hai mươi mốt triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4- Về nợ: Đình chỉ xét xử yêu cầu giải quyết việc vay nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2302-LVA-202200272, ngày 18/01/2022, giữa Ngân hàng Agribank và anh K, chị L

5- Về chi phí tố tụng: Anh Bùi Văn K phải hoàn trả chị Nguyễn Thị L số tiền chi phí tố tụng là 2.050.000 *(Hai triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng).*

6- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm lý hôn và 72.420.081 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 72.720.081 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp là 29.000.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2020/0000116, ngày 06/5/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, chị L còn phải chịu 43.720.000 *(Bốn mươi ba*

*triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng). Anh Bùi Văn K phải chịu 75.584.000 (Bảy mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn đồng) án phí chia tài sản.*

7- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những nội dung có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Xuân Trường**